

Số: 523/QĐ-CPNT2

Nhon Trach, ngày 08 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: **Phê duyệt Yêu cầu báo giá**
Gói thầu: **Thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2025**

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được sửa đổi lần thứ XIII, ban hành ngày 10/06/2022 theo Quyết định số 19/QĐ-CPNT2 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-CPNT2 ngày 04/06/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt chi tiết kế hoạch hoạt động SXKD năm 2024 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CPNT2 ngày 05/06/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của HĐQT về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-CPNT2 ngày 07/06/2024 về việc phê duyệt và ban hành “Quy định cụ thể về thực hiện lựa chọn nhà thầu” của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

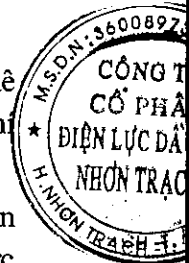
Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-CPNT2 ngày 05/11/2024 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2025”;

Xét đề nghị của các Phòng chức năng tại Tờ trình số 650/TTr-CPNT2 ngày 06/11/2024 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu “Thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2025”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu “Thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2025” với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Phó Giám đốc phụ trách, các Phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.



Điều 3. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.TCKT, P.TM-TTĐ;
- Lưu VT, P.TCHC.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu “Thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2025”.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân



TỜ TRÌNH

Về việc: **Phê duyệt Yêu cầu báo giá**
Gói thầu: **Thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2025**

Kính gửi: Ông Ngô Đức Nhân – Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

I. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-CPNT2 ngày 04/06/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt chi tiết kế hoạch hoạt động SXKD năm 2024 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CPNT2 ngày 05/06/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Quyết định 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-CPNT2 ngày 07/06/2024 về việc phê duyệt và ban hành “Quy định cụ thể về thực hiện lựa chọn nhà thầu” của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Căn cứ Tờ trình số 606/TTr-CPNT2 ngày 31/10/2024 của các Phòng chức năng về việc phê duyệt phạm vi công việc thực hiện gói thầu “Thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2025”;
- Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-CPNT2 ngày 05/11/2024 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2025”.

II. Nội dung xin phê duyệt

Các Phòng chức năng kính trình Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt nội dung Yêu cầu báo giá gói thầu “Thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2025” với nội dung cơ bản như sau:

Chương I: Yêu cầu nộp báo giá

Chương II: Phạm vi, yêu cầu của gói thầu

Chương III: Biểu mẫu


Chương IV: Dự thảo hợp đồng

(Nội dung chi tiết như đính kèm)

Các Phòng chức năng kính đề nghị Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt để có cơ sở triển khai công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.


Trân trọng./.

PHÒNG TCHC



NT Phuong

PHÒNG TM-TTĐ



Tran Van Tuyen

PHÒNG TCKT



Le Van Tu

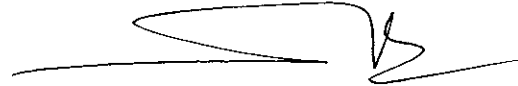
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.TCKT, P.TM-TTĐ;
- Lưu VT, P.TCHC.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu “Thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2025”.



Nguyễn Thị Hà


BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Thiết kế, in lịch và thiệp Tết Công ty năm 2025

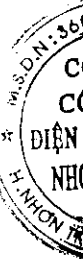
Phát hành ngày: 08/11/2024

Ban hành kèm theo Quyết định: 533/QĐ-CPNT2



Bên mời thầu 

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà



Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp bản chào giá) gói thầu “Thiết kế, in lịch và thiệp Tết Công ty năm 2025”. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Nguồn vốn: Chi phí SXKD năm 2024 của Công ty.
5. Loại hợp đồng: Trọn gói.
6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp và đáp ứng thời gian theo yêu cầu tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu tại YCBG;

Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá chào ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thời hạn hiệu lực của YCBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 của YCBG.

2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Năng lực kinh nghiệm của nhà thầu

Để chứng minh năng lực kinh nghiệm trong việc thực hiện hợp đồng Thiết kế, in lịch và thiệp Tết Công ty năm 2025, nhà thầu phải nộp kèm theo bản yêu cầu báo giá:

1. Bản sao giấy phép ĐKKD có ngành nghề phù hợp với dịch vụ của gói thầu;
2. Nhà thầu phải nộp tối thiểu 01 hợp đồng đã hoàn thành trong 02 năm gần đây có tính chất tương tự với gói thầu và có giá trị ≥ 200 triệu VNĐ;

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Căn cứ vào tính chất của gói thầu, Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi công việc			
1	Thời gian, địa điểm giao hàng	Theo đúng yêu cầu tại Mục I, Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu	Theo đúng yêu cầu tại Mục I, Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu
2	Nội dung công việc thực hiện	Theo đúng yêu cầu tại Bảng số 1. Phạm vi công việc, Mục II, Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu	Không đúng yêu cầu tại Bảng số 1. Phạm vi công việc, Mục II, Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu
II. Cam kết			
1	Nhà thầu cam kết thực hiện công việc đáp ứng tiến độ thực hiện công việc theo yêu cầu của YCBG	Có cam kết đúng theo yêu cầu	Không có cam kết hoặc có cam kết không đúng theo yêu cầu

BBG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chí thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá

((nếu có)3);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: Yêu cầu báo giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện bảng giá chào đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá chào có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá chào; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự chào của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá chào tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các bảng giá chào khác của các nhà thầu vượt qua đánh giá về kỹ thuật; trường hợp trong bảng giá chào của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá chào của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá chào tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu này; trường hợp bảng giá chào của nhà thầu không có đơn giá chào tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a và 3a1 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu 03a và Mẫu 03a(1) Chương III;
3. Giấy phép đăng ký kinh doanh;
4. Hàng hóa đáp ứng yêu cầu theo Bảng số 1- Phạm vi cung cấp hàng hóa thuộc chương II- Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.
5. Hồ sơ chứng minh năng lực: Đã từng thực hiện hợp đồng tương tự nêu tại Mục 3

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: 02512225899; Fax: 02512225897 không muộn hơn **10 giờ 00 phút ngày 19/11/2024**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên trang web Công ty.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và được gửi đến các nhà thầu tham dự.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản (Tên: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, số tài khoản: 006704070001112, ngân hàng: TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 02 % (hai phần trăm) giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành toàn bộ công việc được giao, được Bên A ký biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng.

Mục 13. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

I. Thời gian thực hiện và địa điểm giao hàng

- Thời gian thực hiện: 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Lịch và Thiệp chúc Tết năm 2025 cung cấp mới 100%.
- Địa điểm giao hàng: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

II. Phạm vi cung cấp hàng hóa

Bảng số 1. Phạm vi công việc

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú
1. Lịch 52 tuần độc quyền (In màu, mẫu được PVPower NT2 ký xác nhận trước khi in đồng loạt)			414	
1.1	Bìa lịch	Chất liệu nhựa – đổ khuôn vân nổi 3D.		
1.2	Bloc lịch	54 tờ		
	Kích thước	27 x 44 cm		
	Chất liệu	Giấy Couche 120 gms		
1.3	Hộp Giấy đựng lịch	Chất liệu giấy Ivory, độ dày 0.5 mm, đóng 4 khoen, xỏ dây quai xách		
1.4	Thành Phẩm	Bắt vít gắn Bloc vào bìa lịch + vào hộp.		
2. Thiệp chúc Tết độc quyền			614	
2.1	Kích thước thiệp	Mở ra 24 x 19, gấp lại 12 x 19 cm		
	Chất liệu	Giấy Couche 300 gms		
	In	In offset 4 màu/ 2 mặt, cán màn mờ, Ép kim vàng 1 dòng thông tin chúc mừng		
2.2	Kích thước bao thư	12.5 x 19.5 cm		
	Chất liệu	Giấy Couche 300 gms		
3. Năm xuất bản		12/2024		
4. Giao hàng				
Thời gian và địa điểm giao hàng		- Thời gian giao hàng: Trong vòng 25 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. - Địa điểm giao: Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.		

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2025	(I)
Tổng cộng giá chào (M) = (I) <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)
1	<p>Lịch 52 tuần độc quyền: In màu, mẫu được duyệt theo yêu cầu của PVPower NT2.</p> <p>Bìa lịch: Chất liệu nhựa – đổ khuôn vân nổi 3D, nhiều mẫu hoa văn để lựa chọn.</p> <p>Bloc lịch: 54 tờ Kích thước 27 x 44 cm. Chất liệu giấy Couche 120 gms.</p> <p>Hộp Giấy đựng lịch: Chất liệu giấy Ivory, độ dày 0.5 mm. Đóng 4 khoen + xỏ dây quai xách.</p> <p>Thành Phẩm: Bắt vít gắn Bloc vào bìa lịch + vào hộp.</p>	Bộ	414		
2	<p>Thiệp chúc Tết độc quyền: Kích thước thiệp: Mở ra 24 x 19, gấp lại 12 x 19 cm. Giấy couche 300, in offset 4 màu/ 2 mặt, cán màng mờ, Ép kim vàng 1 dòng thông tin chúc mừng.</p> <p>Kích thước bao thư: 12.5 x 19.5cm Giấy couche 300, in offset 4 màu/1 mặt, cán màng mờ.</p>	Bộ	614		
Tổng cộng giá chào chưa bao gồm thuế VAT					
Thuế VAT					
Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế VAT					(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (5), (6) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thiết kế, in Lịch và Thiệp Tết Công ty năm 2024 của Bên A.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

3.1. Cung cấp cho Bên B các hình ảnh của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng;

3.2. Cam kết thanh toán cho Bên B theo quy định của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định của Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

4.1. Cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;

4.2. Thực hiện công việc và tuân thủ theo các Điều khoản của Hợp đồng và các quy định pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước Bên A và trước pháp luật về việc đảm bảo các yêu cầu về nội dung, chất lượng và tiến độ theo quy định của Hợp đồng và theo các quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam;

Điều 5. Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]

Giá trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí, lệ phí khác có liên quan để bên B thực hiện toàn bộ công việc theo quy định của hợp đồng.

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày sau khi nhận được các chứng từ

thanh toán do bên B cung cấp gồm có:

- Bản gốc Công văn đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính;
- 01 giấy phép in ấn lịch cho PVPower NT2;
- 01 bản thiết kế mẫu đã được PVPower NT2 phê duyệt
- Bản gốc Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc;
- Bản gốc Biên bản Quyết toán và thanh lý Hợp đồng.

c) Số lần thanh toán: 01 lần với 100% giá trị hợp đồng

Điều 6. Loại Hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi về yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư;
- b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- c) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

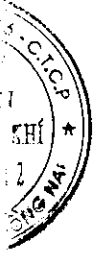
2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng: trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng.
- Hình thức bảo đảm thực hiện Hợp đồng: thư bảo lãnh do ngân hàng/ tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đóng tiền đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của Bên A (Tên: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, số tài khoản: 006704070001112, ngân hàng: TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa).
- Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng: 2% giá Hợp đồng sau thuế.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Thời gian thực hiện Hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.



3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi hàng hóa được bàn giao, Bên B được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và thanh lý, quyết toán hợp đồng.

Điều 10. Chấm dứt Hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- b) Bên B bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký Hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần Hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong YCBG, cụ thể là: 25 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa đến nơi giao hàng tại địa chỉ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

3. Bên A cử đại diện của Bên A để tiến hành kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và phương thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: được thực hiện tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bảo hành

Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới 100%, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Bên A và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

Thời hạn bảo hành được tính từ ngày bàn giao sau khi hai bên ký biên bản nghiệm thu. Nhà thầu có trách nhiệm thay mới hoặc sửa chữa các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành.

Điều 14. Trường hợp bất khả kháng

1. Quy định về bất khả kháng: Trong trường hợp này, bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của Bên B, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ xuất của Bên B, chẳng hạn như chiến tranh, bạo loạn, khủng bố, dịch bệnh hay những trường hợp tương tự mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.

2. Thủ tục về bất khả kháng: Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các Bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

Điều 15. Phạt Hợp đồng

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 12 Hợp đồng này, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu của Hợp đồng thì Bên A có quyền khấu trừ vào giá Hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với 0,05% giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tính cho mỗi ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt chậm tối đa không vượt quá 8% giá trị của Hợp đồng. Khi đạt đến mức tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Hợp đồng.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo các quy tắc của Việt Nam hoặc của tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài hoặc tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các Bên.

Điều 17. Hiệu lực Hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được hai bên ký kết.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng theo luật định.

3. Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B 01 bộ, các bộ Hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN A
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a(1)].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thu bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

